

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 19/01/2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tổng Văn Tâm;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2023/TLST-DS ngày 27/6/2023 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Tổ 2, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1998; cùng địa chỉ liên hệ: Tổ 2, khu phố 1, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/6/2023); có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ 2, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Tổ 2, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bà Bùi Thị Thanh C, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 02/3/2007 và Trần Hùng K, sinh ngày 15/01/2006. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà Bùi Thị Thanh C, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hồng T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường (Giấy ủy quyền ngày 03/11/2023); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Văn phòng công chứng H; địa chỉ: Đường tạo lực 5, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị Thanh T làm Trưởng văn phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2023 và lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Thanh H, ông Nguyễn Hữu K trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Trần Văn H, sinh năm 1954, chết ngày 26/02/2020 theo Trích lục khai tử số 831/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/11/2022. Bà H và ông Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân thực tế từ năm 1979 và đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) V, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và được UBND xã (nay là phường) Vĩnh Tân cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyển số 01/2014 ngày 31/12/2014.

Ông Trần Văn H có cha là ông Trần Văn T, sinh năm 1921, chết năm 1975, khi chết không có giấy chứng tử. Ông Trần Văn H có mẹ là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1921 không rõ năm chết nhưng chết trước ông Trần Văn H và khi chết không có giấy chứng tử.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Trần Văn H có 02 người con chung bao gồm ông Trần Văn C, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1984. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn H gồm có 03 người gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và hai người con tên Trần Văn C và Trần Thị Kim L.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Trần Văn H có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.500m² (loại đất ODT) thuộc thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02400, số phát hành BO 195226 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/4/2019 đứng tên hộ ông Trần Văn H; Quyền sử dụng đất có diện tích 1.178m² (gồm 300m² ODT, 878m² đất CLN) thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01767/QSDD/TU do Ủy ban nhân dân

huyện T cấp ngày 04/01/1999 đứng tên hộ ông Trần Văn H; Quyền sử dụng đất có diện tích 818m² (gồm 150m² ODT, 668m² CLN) thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01768/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 04/01/1999 đứng tên hộ ông Trần Văn H; 16 căn nhà trọ, loại nhà cấp 4, mái tôn, không có trần la phong, tường gạch xây không tô, diện tích khoảng 100m², xây dựng năm 2010 tọa lạc trên phần đất thuê (SKC) có diện tích 527m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00259 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/07/2010 đứng tên hộ ông Trần Văn H.

Khi ông Trần Văn H chết có để lại Di chúc được Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 5055 quyển số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019. Nội dung Di chúc nêu trên ông Trần Văn H để lại di sản của ông H tại thửa đất số 1615, tờ bản đồ 16 và thửa đất 220, tờ bản đồ 27 cho bà H.

Sau khi ông Trần Văn H chết, bà H thực hiện các thủ tục để phân chia di sản do ông H chết để lại. Tuy nhiên, sau nhiều lần liên hệ thì ông Trần Văn C không chịu hợp tác, thỏa thuận phân chia di sản.

Nhận thấy, việc ông Trần Văn C không chịu thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H để lại, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H cùng các đồng thừa kế khác của ông Trần Văn H nên bà H khởi kiện.

1. Yêu cầu Tòa án xác định các tài sản dưới đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Trần Văn H:

- Quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 1.490,6m² thuộc thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương và các công trình trên đất gồm 20 phòng trọ, 02 ki ốt và 02 cửa sắt.

- Quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 1.212,2m² thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp 4 có diện tích 178,5m² và 01 nhà tạm có diện tích 125,5m².

- 14 phòng trọ có kết cấu tường gạch xây không tô, nền gạch men, cửa sắt tọa lạc trên phần đất thuê (SKC) có diện tích (theo kết quả đo đạc thực tế) là 454,3m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Yêu cầu Tòa án xác định các tài sản dưới đây là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 745,3 m² (Một nửa (1/2) trong quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 1.490,6m² thửa đất 1615, tờ bản đồ số 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và các công trình trên đất gồm 10 phòng trọ, 01 ki ốt và 01 cửa sắt.

- Quyền sử dụng đất có diện tích 606,1m² (Một nửa (1/2) trong quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 1.212,2m² thửa đất số

220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 với diện tích 89,25 m² và $\frac{1}{2}$ nhà tạm với diện tích 62,75 m².

- 07 căn phòng trọ có kết cấu tường gạch xây không tô, nền gạch men, cửa sắt tọa lạc trên phần đất thuê (SKC) có diện tích (theo kết quả đo đạc thực tế) là 454,3m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Yêu cầu Tòa án xác định: các tài sản dưới đây là di sản do chồng bà Nguyễn Thị H - ông Trần Văn H chết để lại:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 745,3 m² (Một nửa ($\frac{1}{2}$) trong quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 1.490,6m² thửa đất 1615, tờ bản đồ số 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và các công trình trên đất gồm 10 phòng trọ, 01 ki ốt và 01 cửa sắt;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 606,1m² (Một nửa ($\frac{1}{2}$) trong quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 1.212,2m² thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 với diện tích 89,25 m² và $\frac{1}{2}$ nhà tạm với diện tích 62,75 m²;

- 07 căn phòng trọ có kết cấu tường gạch xây không tô, nền gạch men, cửa sắt tọa lạc trên phần đất thuê (SKC) có diện tích (theo kết quả đo đạc thực tế) là 454,3m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

4. Yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc do ông Trần Văn H lập, được Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019 là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

5. Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Trần Văn H chết để lại nêu trên như sau:

- Yêu cầu Tòa án chia cho bà Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất có 745,3 m² (Một nửa ($\frac{1}{2}$) trong quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 1.490,6m² thửa đất 1615, tờ bản đồ số 16 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) theo Di chúc được Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019. Đối với toàn bộ các công trình trên đất gồm 10 phòng trọ, 01 ki ốt và 01 cửa sắt bà H yêu cầu Tòa án chia đều cho các đồng thừa kế của ông H theo quy định của pháp luật, cho bà H nhận toàn bộ bằng hiện vật và thanh toán giá trị phần thừa kế của hai người thừa kế còn lại bằng tiền.

- Yêu cầu Tòa án chia cho bà Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 606,1m² (Một nửa ($\frac{1}{2}$) trong quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 1.212,2m² thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương) theo Di chúc được Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019. Đối với toàn bộ các công trình trên đất gồm $\frac{1}{2}$

căn nhà cấp 4 với diện tích 89,25 m² và ½ nhà tạm với diện tích 62,75 m² bà H yêu cầu Tòa án chia đều cho các đồng thừa kế của ông H theo quy định của pháp luật cho bà H nhận toàn bộ bằng hiện vật và thanh toán giá trị phần thừa kế của hai người thừa kế còn lại bằng tiền.

- Yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật cho 3 người thừa kế của ông Trần Văn H di sản do ông Trần Văn H chết để lại là 07 căn nhà trọ có kết cấu tường gạch xây không tô, nền gạch men, cửa sắt tọa lạc trên phần đất thuê (SKC) có diện tích (theo kết quả đo đạc thực tế) là 454,3m² thuộc thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 tại phường V, thành phố Tân Uyên. Bà yêu cầu nhận thừa kế toàn bộ 07 căn nhà trọ bằng hiện vật và thanh toán giá trị phần thừa kế của hai người thừa kế còn lại bằng tiền.

Bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông C thống nhất với trình bày của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất tranh chấp và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L trình bày: Bà L thống nhất với trình bày của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất tranh chấp và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh C trình bày: Trước đây, bà C với ông Trần Văn C là vợ chồng. Sau khi kết hôn thì bà C nhập hộ khẩu vào hộ ông Trần Văn H (cha chồng bà C). Năm 2012, bà C với ông C ly hôn và bà C chuyển hộ khẩu đến nơi khác sinh sống cho đến nay.

Đối với đất và các tài sản đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H với ông Trần Văn C thì bà C không có tranh chấp, ý kiến gì. Bà C xác định bà không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến đất và tài sản vì đất và tài sản tranh chấp là của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng H trình bày: Văn phòng công chứng H tiếp nhận, thụ lý hồ sơ yêu cầu công chứng và công chứng di chúc số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019 thực hiện đầy đủ các quy định của Luật công chứng, Luật dân sự, Luật đất đai và các quy định khác có liên quan. Tại thời điểm công chứng, người yêu cầu công chứng hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt và đủ năng lực hành vi dân sự để lập di chúc theo quy định. Nội dung di chúc thể hiện sau khi ông Trần Văn H mất toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông H là thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương sẽ để lại cho bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như trên và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện như đơn đề ngày 28/11/2023, cụ thể: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 9,4m² thuộc thửa 1615, tờ bản đồ số 16 và diện tích đất 818m² thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất với đơn và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền và không bổ sung yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trần Văn C thống nhất và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời trình bày nếu Tòa án chia cho ông C kỷ phần thừa kế được hưởng thì ông C tự nguyện giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L thống nhất và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời trình bày nếu Tòa án chia cho bà L kỷ phần thừa kế được hưởng thì bà L tự nguyện giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L tự nguyện giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà H đồng ý nhận, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh C, đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng H và

đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T là ông Nguyễn Tấn L vắng mặt nhưng đã có lời khai và văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp về thừa kế tài sản mà tài sản tranh chấp là bất động sản và bị đơn cư trú tại phường V, thành phố T. Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung vụ án:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 9,4m² thuộc thửa 1615, tờ bản đồ số 16 và diện tích đất 818m² thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 27 tại phường V. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất quyền sử dụng đất diện tích 1.490,6m² và công trình trên đất gồm 20 phòng trọ, 02 kiốt có tổng diện tích 434,2m² (ký hiệu nhà cho thuê trong Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 613-2023 ngày 19/9/2023), 02 cửa sắt thuộc thửa đất số 1615; diện tích 1.212,2m² và công trình trên đất gồm 01 nhà cấp 4 có diện tích 178,5m², 01 nhà tạm có diện tích 125,5m² thuộc thửa đất số 220; 14 phòng trọ tổng diện tích là 454,3m² thuộc thửa đất số 712 là của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn H. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V thể hiện: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16; thửa đất số 220 và thửa đất số 712, tờ bản đồ số 27 tại phường V có nguồn gốc do ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H tạo lập. Hiện nay bà H đang trực tiếp quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên; ông H cùng bà H quản lý, sử dụng đất nêu trên cho đến khi mất.

[2.3] Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thành phố T thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 trên cơ sở Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 25/5/2010 của hộ ông Trần Văn H; thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 được cấp trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 24/8/1998 của hộ ông Trần Văn H; thửa đất số 712, tờ bản đồ 27 được tách từ thửa 285, tờ bản đồ số 27 và hiện nay được cấp trên cơ sở Hợp đồng thuê đất ngày 22/6/2010. Việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

[2.4] Theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc số 613-2023 ngày 19/9/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T thể hiện diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là 1212,2m², diện tích thửa đất số 220 được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1178m². Đối với diện tích 34,2m², xét thấy theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và qua xác minh tại UBND phường V thì ranh giới giữa thửa đất số 220 với các thửa đất 555, 867, 990, 108 là hàng rào lưới B40, tường nhà được xây dựng kiên cố, tường gạch xây và từ trước đến nay không có tranh chấp về ranh giới đất. Ngoài ra, bà H là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp cho đến nay, ông H cùng bà H quản lý, sử dụng đất cho đến khi chết.

Như vậy, có cơ sở xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H.

[3] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.490,6m² và công trình trên đất gồm 20 phòng trọ, 02 kiốt có tổng diện tích 434,2m² (ký hiệu nhà cho thuê trong Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 613-2023 ngày 19/9/2023), 02 cửa sắt thuộc thửa đất số 1615; diện tích 1.212,2m² và công trình trên đất gồm 01 nhà cấp 4 có diện tích 178,5m², 01 nhà tạm có diện tích 125,5m² thuộc thửa đất số 220; 14 phòng trọ tổng diện tích là 454,3m² thuộc thửa đất số 712 là của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn H nên ½ khối tài sản nêu trên là của bà H; ½ khối tài sản nêu trên là của ông Trần Văn H và là di sản thừa kế.

[4] Về di chúc: Ngày 20/11/2019, ông H lập di chúc để lại cho bà H toàn bộ quyền sử dụng đất của ông đối với thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V. Di chúc này được Văn phòng công chứng H công chứng số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019. Nội dung di chúc thể hiện ông H trong tình trạng tinh thần minh mẫn, sáng suốt, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, ép buộc. Theo nội dung văn bản của Văn phòng công chứng H thể hiện từ khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, công chứng di chúc số 5055, Công chứng viên thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Ông H đã được nghe người làm chứng đọc lại di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và đã điểm chỉ di chúc trước mặt Công chứng viên. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm lập di chúc ông H hoàn toàn minh mẫn, được nghe nội dung di chúc và đã điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền công chứng. Nội dung di chúc đã thể hiện đúng nguyện vọng của ông H. Căn cứ Điều 625, Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 thì di chúc ngày 20/11/2019 do ông H lập được Văn phòng công chứng H công chứng là hợp pháp, có giá trị pháp lý.

[5] Kết quả định giá xác định tổng giá trị tài sản tranh chấp là 28.097.780.010 đồng. Trong đó, giá trị đất thuộc thửa đất số 1615 là 14.906.000.000 đồng (1490,6m² x 10.000.000 đồng/m²), thửa đất số 220 là 10.897.600.000 đồng (300m² đất thổ cư x 12.000.000 đồng/m²; 912,2m² đất nông nghiệp x 8.000.000 đồng/m²); giá trị tài sản tranh chấp thuộc thửa 1615 là

891.759.960 đồng ($2.934.000 \text{ đồng/m}^2 \times 70\% \text{ giá trị còn lại} \times 434,2\text{m}^2$), thửa đất số 220 là 704.618.250 đồng (nhà tạm: $1.926.000 \text{ đồng/m}^2 \times 75\% \text{ giá trị còn lại} \times 125,5\text{m}^2$; nhà ở: $3.908.000 \text{ đồng/m}^2 \times 75\% \text{ giá trị còn lại} \times 178,5\text{m}^2$; giá trị 02 cửa sắt: 150.000 đồng); giá trị tài sản thuộc thửa đất số 712 là 697.804.800 đồng ($2.560.000 \text{ đồng/m}^2 \times 60\% \text{ giá trị còn lại} \times 454,3\text{m}^2$).

[6] Xác định giá trị tài sản của nguyên đơn là 26.950.691.505 đồng (gồm $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp; giá trị tài sản ông H để lại theo di chúc). Xác định di sản của ông H để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất thuộc các thửa đất số 1615, 220 và 712 là 1.147.091.505 đồng.

[7] Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn H: Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V và các đương sự thống nhất trình bày ông Trần Văn H, sinh năm 1954, mất ngày 26/02/2020 theo Trích lục khai tử số 831/TLKT- BS do Ủy ban nhân dân phường V cấp ngày 01/11/2022. Ông Trần Văn H có cha là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C (đã mất trước ông H), vợ là bà Nguyễn Thị H, ông H có 02 người con gồm ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim L. Như vậy, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm vợ là bà H và 02 người con là ông C và bà L.

[8] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật đối với di sản của ông H để lại và các đương sự thống nhất chia di sản này bằng hiện vật cho bà H, đồng thời bà H hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại của ông H.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L tự nguyện giao kỷ phần thừa kế được nhận cho bà H được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt và được bà H đồng ý; đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự không yêu cầu về tính công sức đóng góp, quản lý tài sản tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng với ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[12] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tự nguyện nộp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468; các Điều 254, 468, 611, 612, 613, 620, 623, 625, 630, 650, 651, 652, 660, 688 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 97, 100, 166 và 167 của Luật Đất đai;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn C đối với diện tích đất 9,4m² thuộc thửa số 1615, tờ bản đồ số 16 và diện tích đất 818m² thuộc thửa số 285, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2023.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Công nhận hiệu lực của Di chúc do ông Trần Văn H lập, được Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Dương chứng nhận số 5055 quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/11/2019; Công nhận diện tích còn lại là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng (bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn H).

Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế 1490,6m² thuộc thửa đất 1615, tờ bản đồ số 16 và diện tích đất (đo đạc thực tế) 1.212,2m² thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo bản án).

2.2 Xác định 20 phòng trọ, 02 kiốt có tổng diện tích 434,2m², 02 cửa sắt thuộc thửa đất số 1615, tờ bản đồ số 16 và 01 nhà cấp 4 có diện tích 178,5m², 01 nhà tạm có diện tích 125,5m² trên thửa đất số 220, tờ bản đồ số 27, 14 phòng trọ có tổng diện tích 454,3m² trên thửa đất số 712, tờ bản đồ số 27 tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị H, trong đó: Di sản của ông Trần Văn H là ½ tài sản, ½ tài sản còn lại là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu toàn bộ di sản của ông Trần Văn H tạo lập trên các thửa đất nêu trên (có sơ đồ kèm theo bản án). Những người thừa kế của ông Trần Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải bồi hoàn lại giá trị di sản thừa kế.

3. Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 49.890.881 đồng, bà H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thành Hiệp